

**TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC**

**MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO  
VIỆT NAM VỚI GIÁO HỘI CÔNG GIÁO RÔMA**

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG<sup>(\*)</sup>

**M**ối quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma bị chi phối bởi những tác nhân nội tại và ngoại tại. Đó là sự chi phối bởi lịch sử truyền giáo, phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam; Bởi cách nhìn nhận, ứng xử của Giáo hội Công giáo Việt Nam với dân tộc Việt Nam và ngược lại là chính sách của Nhà nước Việt Nam trong quá khứ và hiện tại chi phối. Đó còn là sự ràng buộc cực kì chặt chẽ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma bởi Giáo luật.

**I. MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM TRUYỀN GIÁO VÀ ĐẶC ĐIỂM GIÁO HỘI CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM TÁC ĐỘNG ĐẾN MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM VỚI GIÁO HỘI CÔNG GIÁO RÔMA**

1. *Một vài đặc điểm lịch sử truyền giáo và phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam tác động đến mối quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma.*

Trong Giáo sử, Giáo hội Công giáo Việt Nam lấy năm 1533 làm năm khởi đầu của hoạt động truyền giáo ở Việt Nam. Bởi vì năm này theo sách Dã lục (một loại dã sử) ghi có người Tây Dương tên là Ynêxu lén lút đến xã Ninh Cường, xã Quần Anh huyện Nam Chân và xã Trà Lũ huyện Giao Thủy ngắm ngẫm truyền giáo về tà đạo Gia Tô<sup>(1)</sup>. Song, hoạt động

truyền đạo Công giáo ở Việt Nam chỉ thực sự có hiệu quả từ năm 1615, bởi sự xuất hiện của giáo sĩ Buzomi (Ý) đến Hội An. Như vậy, nếu tính từ thời điểm 1615 đến nay (2007) thì hoạt động truyền đạo Công giáo ở Việt Nam đã trải qua gần 400 năm. Chặng đường 400 năm là chặng đường quanh co, khúc khuỷu. Hoạt động truyền đạo Công giáo ở Việt Nam thuộc về các dòng truyền giáo. Trước hết là dòng Đa Minh, tham gia truyền giáo đầu tiên ở Đàng Trong và Chân Lạp (Nam Bộ) trong khoảng thời gian từ 1550 đến năm 1631. Tiếp theo là hoạt động của dòng Tên ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Sau một thời gian hoạt động truyền giáo có thể nói là có hiệu quả, các thừa sai dòng Tên lần lượt bị trục xuất khỏi Việt Nam. Ngày 12 tháng 11 năm 1663, những thừa sai dòng Tên cuối cùng ở Đàng Ngoài bị trục xuất. Tháng 2 năm 1665, tất cả các thừa sai dòng Tên bị trục xuất khỏi Đàng Trong.

Từ giữa thế kỉ XVII, công cuộc truyền giáo ở Việt Nam nổi lên là vai trò của Hội Thừa sai Paris (Mission Etrangère de Paris - MEP) thành lập năm 1658. Hội Thừa sai Paris là một hội giáo sĩ thuộc quyền giáo hoàng, không có lời khẩn,

\*. PGS., TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, T III. Nxb. Giáo dục, 1998, tr. 301.

không được đặc ân miễn trừ<sup>(2)</sup>.

Năm 1679 giáo phận Đàng Ngoài được chia làm hai là Tây Đàng Ngoài và Đông Đàng Ngoài. Giáo phận Tây Đàng Ngoài được Giáo hội Công giáo Rôma trao cho Hội Thừa sai Paris cai quản. Hội Thừa sai Paris ngay từ khi có mặt ở Việt Nam với những hoạt động của nó ngày càng gắn hoạt động truyền giáo với hoạt động thực dân xâm lược của thực dân Pháp. Giáo hội Công giáo Việt Nam thời kỳ này ngày càng có mối quan hệ chặt chẽ với Giáo hội Công giáo Pháp và nhà nước Pháp, cùng với việc chịu sự chi phối của Giáo hội Công giáo Rôma. “Vì tìm cách hắt cẳng Bồ Đào Nha và cạnh tranh với Hoà Lan, nước Pháp mau mắn cung cấp viện trợ cho Hội Thừa sai Paris (MEP). Không kể những đóng góp của Hội Thánh, của Hội Giáo sĩ và của một số các bà đạo đức, “Nhà Vua hứa với mỗi vị giám mục một khoản bổng mẫn đời 1000 đồng quan, sau này nâng lên tới 3000”. Công ti Ấn Độ (điều XIII ngày 15 tháng 4 năm 1669) bảo đảm tiếp nhận các giám mục “cùng các vị thừa sai, đầy tớ và đoàn tùy tùng mà không đòi khoản tiền nào cho việc chở hành lí đem theo, việc ăn uống dọc đường và sẵn sàng cho họ đổ bộ lên tại một hoặc nhiều điểm Bắc Kỳ, Nam Kỳ hay Trung Quốc tùy ý họ”<sup>(3)</sup>.

Linh mục Trần Tam Tỉnh nhận xét: “Dầu muốn, dầu không, Giáo hội Việt Nam, ngay từ những bước sơ khai đã dính líu vào các chuyện trần thế này rồi, mà chẳng bao lâu đã ảnh hưởng tới việc truyền giáo”<sup>(4)</sup>.

Hoạt động “trần thế” tức hoạt động chính trị phục vụ cho thực dân xâm lược của công cuộc truyền giáo ngày càng được thể hiện rõ nét. Chính vì vậy mà hoạt động truyền giáo của Công giáo ở Việt Nam đã bị Nhà nước phong kiến Lê - Trịnh, Tây Sơn, đặc biệt là Nhà Nguyễn cấm ngặt. Chính sách cấm đạo của Nhà

Nguyễn có những việc làm thái quá, song nó được các nhà sử học đánh giá là “có những hạt nhân hợp lí”. Khi dân tộc ta bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Công giáo Việt Nam chịu sự thao túng của thực dân Pháp, đặc biệt là ảnh hưởng tư tưởng của Toà Thánh Rôma nên có một bộ phận đi ngược lại lợi ích dân tộc.

Nhà nghiên cứu Công giáo Vương Đình Chũ viết: “Ngay từ khi chủ nghĩa Mác mới ra đời, các triều đại Giáo hoàng đã liên tục lên án, chống đối. Đức Giáo hoàng Piô IX (1846 - 1878) đề cập đến vấn đề này trong ba thông điệp, nổi bật nhất là Thông điệp “Quanta Cura” ngày 8 - 12 - 1864 với bản phụ lục “Syllabus” hay còn gọi là “*Danh mục các sai lạc chính yếu của thời đại*” nêu đích danh tới 80 điều trong đó có chủ nghĩa cộng sản, được coi là loại sai lầm mang tính chất triết học và được xếp chung với các hội kín, các hội kinh thánh, các hội giáo sĩ tự do, được gọi chung là những dịch bệnh. Trong Thông điệp “Rerum Novarum”<sup>(5)</sup> ngày 16 - 5 - 1891, Đức Giáo hoàng Lêô XIII (1878 - 1903) nêu lên những giáo huấn xã hội của Giáo hội, trong đó, Ngài kết án chủ nghĩa cộng sản là duy vật, chối bỏ quyền tư hữu trong đấu tranh giai cấp. Bốn mươi năm sau, Đức Giáo hoàng Piô XI (1922 - 1939) lập lại và bổ sung những giáo huấn này trong Thông điệp “Quadragesimo anno” ngày 15-5-1931. Nhưng nhận định của vị Giáo hoàng này về chủ nghĩa cộng sản thường hay trích dẫn nhất lại nằm trong Thông điệp “Divini Redemptoris”<sup>(6)</sup> ngày 19-3-1937... Nhận định của Đức Giáo hoàng Piô XI

2. Văn phòng Tổng thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2001*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr. 207.

3. Linh mục Trần Tam Tỉnh. *Thập giá và lưỡi gươm*. Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 21.

4. Linh mục Trần Tam Tỉnh. Sđd., tr. 21.

5. Thông điệp “Tân sự”.

6. Thông điệp “Chúa Cứu thế”.

là “Chủ nghĩa cộng sản tự thân là xấu xa và chúng ta không thể chấp nhận sự cộng tác trên bất cứ trên lĩnh vực nào”<sup>(7)</sup>.

Đó là nguyên nhân dẫn đến Công giáo ở Việt Nam ra *Thư chung 1951*. Tác giả Vương Đình Chử cho rằng: “Thư chung 1951 không thể đi ra ngoài truyền thống của Giáo hội”<sup>(8)</sup>. Vì vậy trong Thư chung này chúng ta đọc được những dòng như sau: “Chủ nghĩa cộng sản xung khắc tuyệt đối với Công giáo đến nỗi Đức Thánh Cha đã tuyên bố rằng: Không bao giờ vừa có thể theo cộng sản vừa theo Công giáo được, và người Công giáo nào gia nhập đảng cộng sản thì lập tức bị khai trừ khỏi Giáo hội. Chẳng những không được gia nhập đảng cộng sản, mà lại anh em không thể cộng tác bất kì dưới hình thức nào, có thể giúp đỡ họ nắm chính quyền”<sup>(9)</sup>.

Cũng với tinh thần chống cộng, sau Thư chung 1951 chúng ta còn chứng kiến một loạt thư chung, thư luân lưu, thông cáo của Giáo hội Công giáo Miền Nam thời Mỹ - Ngụy. Như Thư chung 1960, Thư luân lưu 1964, Thông cáo 1966, Thông cáo 1968, Thư luân lưu 1969, thông cáo 1971, Thư chung 1973, Tuyên ngôn 1974.

## 2. Một vài đặc điểm của Giáo hội Công giáo ở Việt Nam tác động đến mối quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma

*Một giáo hội vẫn chưa được xem là giáo hội trưởng thành.*

Năm 1659 khi thành lập giáo phận Đàng Trong và Đàng Ngoài ở Việt Nam, cử hai giám mục Pháp là Pallu và Lambert de la Motte sang cai quản, Toà Thánh Rôma đã căn dặn họ nhiều điều, mà điều đầu tiên là “đào tạo linh mục và giám mục người bản xứ”, nhưng rất tiếc hai giám mục Pháp đã không làm theo sự căn dặn của Toà Thánh Rôma. Năm

1933, Giáo hội Công giáo Việt Nam mới có được vị giám mục tiên khởi đó là Giám mục G.B. Nguyễn Bá Tòng. Cho mãi đến năm 1945 mới thêm 04 vị nữa. Dòng MEP đào tạo linh mục người Việt theo hình thức nhỏ giọt vì họ viện dẫn rằng “người An Nam học chữ Latinh kém”.

Ngày 24-11-1960, Giáo hoàng Gioan XIII ban hành sắc chỉ *Venera bilium Nostrorum*, về việc thiết lập phẩm trật Giáo hội tại Việt Nam, theo đó các giáo phận từ hiệu toà được nâng lên thành chính toà. Như vậy từ đây Giáo hội Công giáo Việt Nam về hình thức là giáo hội trưởng thành nhưng trên thực tế theo quy định của sắc chỉ “Tất cả các địa phận trên đây sẽ tiếp tục trực thuộc Thánh Bộ Truyền giáo”. Về vấn đề này Nguyễn Nhân Hoà nhận xét: “Tuy đã có hàng giáo phẩm bản xứ, nhưng Giáo hội chúng ta vẫn ở dưới sự quản lí (và giúp đỡ về mặt tài chính) của Bộ Truyền giáo của Toà Thánh Vatican, nên chúng ta chưa thể cho mình là một giáo hội trưởng thành”<sup>(10)</sup>.

*Giáo hội Công giáo Việt Nam từ chỗ “sống trong lệ thuộc” đến vươn lên tự chủ*

“Hàng giáo sĩ Việt Nam được đào tạo để luôn biết sống trong lệ thuộc”<sup>(11)</sup>. Đó là nhận xét của người trong cuộc - Linh mục Trần Tam Tỉnh viết trong sách *Thập giá và lưỡi gươm*. Linh mục Trần Tam Tỉnh viết tiếp: “Cần ghi nhận rằng hồi 1930 sĩ số các thừa sai chỉ là 20% trong hàng giáo sĩ tại Việt Nam, nhưng họ chiếm giữ toàn

7. Vương Đình Chử. *Các giám mục Việt Nam trước thời cuộc liên quan đến Cộng sản, từ thư chung 1951 đến thư chung 1980*. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 65, tháng 5 - 2000, tr. 6-7.

8. Vương Đình Chử. *Bđđ.*, tr. 7.

9. Trần Anh Dũng (chủ biên). *Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam 1960 - 1995*. Không Nxb., tr. 93.

10. Nguyễn Nhân Hoà. *Để giáo dân là mùa xuân của giáo hội*. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 62, tháng 2 - 2000, tr. 23.

11. Linh mục Trần Tam Tỉnh. *Sđđ.*, tr. 52.

bộ các chức vụ quan trọng: như giám mục, tổng quản, hạt trưởng, giám đốc chủng viện, bề trên hội dòng, chánh xứ ở thành thị. Trong hầu hết các địa phận, linh mục người Việt không được ngồi cùng một bàn với ông Cố Tây, càng không được ăn cơm chung với Cố<sup>(12)</sup>.

Nhận xét về vai trò của giáo sĩ người Việt thời điểm 1945, khi nước nhà độc lập Linh mục Trần Tam Tỉnh đã phải thốt lên: “Thật là điều kì cục, trong một nước độc lập và trong một giáo hội có tới 80% giáo sĩ đã là người bản quốc, thế mà linh mục cũng như giáo dân cứ bị một nhóm người phương Tây cai quản mãi”<sup>(13)</sup>.

Đó là trạng huống của trước Cách mạng Tháng Tám 1945.

Từ sau ngày Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, nhất là khi Đảng, Nhà nước ta tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện trong đó có vấn đề tôn giáo, hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam nhất là hàng giám mục ngày càng ý thức rõ hơn về “bản quyền” của mình vươn lên tự chủ. Tự chủ ở đây được hiểu là ngược với “sống trong lệ thuộc”. Còn tất nhiên những giám mục đứng đầu các giáo hội địa phương phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Giáo luật. Có thể chứng minh qua trường hợp tổ chức Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam. Vì lo sợ tổ chức có thể biến thành một tôn giáo tự trị như ở Trung Quốc nên ngày 20-5-1992, Hồng y Sodano, Quốc vụ khanh Tòa Thánh gửi thư cho Giám mục Nguyễn Minh Nhật, lúc đó là Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam và kèm theo là bài bình luận của tờ L’Observatore Romano ra ngày 18- 4- 1982 với lời lẽ thật nặng nề<sup>(14)</sup>.

Song do là người trong cuộc, hiểu rõ tổ chức Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, “cây cầu nối giữa đạo và đời”, nhiều giám mục gửi lẵng hoa, điện mừng khi Ủy ban tiến hành đại hội. Tính đến thời

điểm 2005 có tới 460 linh mục tham gia vào Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam<sup>(15)</sup>.

Hoặc như với sự kiện Thượng hội đồng Giám mục Châu Á họp ở Rôma từ ngày 19 tháng 4 đến ngày 14-5-1998, Công giáo Việt Nam có 8 giám mục tham dự đã thẳng thắn nêu ra 3 chủ đề quan trọng xuất phát từ thực tiễn của Công giáo Việt Nam.

1- Làm sao nói về Thiên Chúa Cha và Hội Thánh trong khung cảnh nền văn hoá xã hội Việt Nam vốn lấy gia đình làm nền tảng.

2- Làm sao nhận ra tác động của Chúa Thánh Thần nơi mọi người thành tâm, thiện chí, đặc biệt nơi các tôn giáo bạn.

3- Làm sao để việc tôn kính ông bà, tổ tiên giúp người ta nhận biết Thiên Chúa, và hiểu rõ hơn về đạo giáo của người Công giáo Việt Nam<sup>(16)</sup>.

*Giáo hội Công giáo Việt Nam ngày càng ý thức được dân tộc tính*

Trong mối quan hệ với Giáo hội Công giáo Rôma, Giáo hội Công giáo Việt Nam ngày càng ý thức rõ nét và đầy đủ hai bản phận: Dân Thiên Chúa và Dân nước Việt. Trải tiến trình lịch sử, Giáo hội Công giáo Việt Nam dần dần hình thành tư tưởng: kính Chúa yêu nước; Công giáo và Dân tộc; Sống tốt đời, đẹp đạo để thực hiện trọn vẹn hai bản phận trên. Đặt nền móng cho tư tưởng này là Nguyễn Trường Tộ (1828-1871), Linh mục Đặng Đức Tuấn (1806-1917). Đó còn là những linh mục như Nguyễn Văn Tường (1852-1944), Đậu Quang Lĩnh (1870-1941), tham gia

12. Linh mục Trần Tam Tỉnh. Sđd., tr. 52.

13. Linh mục Trần Tam Tỉnh. Sđd., tr. 64.

14. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam. *Nửa thế kỉ người Công giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2005, tr. 105.

15. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam. Sđd., tr. 90.

16. *Thư Mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam* (1998).

các tổ chức yêu nước chống Pháp của Phan Bội Châu, bị bắt và chịu tù đầy ở Côn Đảo.

Song, đây chỉ là thời kì manh nha với hoạt động riêng lẻ mang tính cá nhân.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công thổi bùng ý thức tự tôn dân tộc của cộng đồng Công giáo Việt Nam. Điều này thể hiện qua việc hàng chục vạn đồng bào Công giáo ở Vinh, Huế, Thái Bình, Ninh Bình... mít tinh ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh. Và 4 giám mục người Việt kí tên vào bức điện văn gửi Toà Thánh và Kitô hữu toàn thế giới yêu cầu ủng hộ độc lập của dân tộc Việt Nam. Trong Chính phủ của Hồ Chí Minh có những giám mục, linh mục, giáo dân giữ các chức vụ quan trọng. Có một Công giáo Kháng chiến Nam Bộ ghi mốc quan trọng của ý thức dân tộc tính của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Năm 1980, qua Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam vấn đề dân tộc tính được thể hiện rõ rệt. Điều này được thể hiện cụ thể và sinh động trong đoạn 9 với tựa đề *Gắn bó với dân tộc và đất nước*: “Là Hội Thánh trong lòng dân tộc Việt Nam, chúng ta quyết tâm gắn bó với vận mạng quê hương, noi theo truyền thống dân tộc, hoà mình vào cuộc sống hiện tại của đất nước. Công đồng dạy rằng “Hội Thánh phải đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ một số phận trần gian với thế giới” (MV 40,2). Vậy chúng ta phải đồng hành với dân tộc mình, cùng chia sẻ một cộng đồng sinh mạng với dân tộc mình, vì quê hương này là nơi chúng ta được Thiên Chúa mời gọi để sống làm con của Người, đất nước này là lòng mẹ cứu mang chúng ta trong quá trình thực hiện ơn gọi làm con Thiên Chúa, dân tộc này là cộng đoàn mà Chúa trao cho chúng ta để phục vụ với tính cách vừa là công dân vừa là thành phần dân Chúa.

Sự gắn bó hồn mình này đưa tới những nhiệm vụ cụ thể mà chúng ta có thể tóm lại trong hai điểm chính:

Tích cực góp phần cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Xây dựng trong Hội Thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc”.

Cuối cùng, đường hướng mà Hội đồng Giám mục vạch ra cho Giáo hội Công giáo Việt Nam là: *Sống phúc âm giữa lòng dân tộc*.

Đường hướng đồng hành với dân tộc không chỉ tạo mối quan hệ của Giáo hội Công giáo Việt Nam mà còn là điểm tựa chắc chắn cho Giáo hội Công giáo Việt Nam trong quan hệ với Giáo hội Công giáo Rôma. Vì đây là mối quan hệ theo hình chân vạc nhà nước Việt Nam ↔ Giáo hội Công giáo Việt Nam ↔ Giáo hội Công giáo Rôma.

Có thể còn có những đặc điểm nữa nhưng theo chúng tôi đây là ba đặc điểm chính chi phối, mối quan hệ của Công giáo Việt Nam với Toà Thánh.

## II. NHỮNG BIỂU HIỆN CỤ THỂ MỐI QUAN HỆ CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM VỚI GIÁO HỘI CÔNG GIÁO RÔMA HIỆN NAY

Mùa xuân 1975, Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, giang sơn quy về một mối, Giáo hội Công giáo Việt Nam nhờ đó mà “nên một”. Đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội tạo vị thế cho Giáo hội Công giáo Việt Nam quan hệ với Giáo hội Công giáo Rôma.

Mối quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma, được thúc đẩy từ sau khi Hội đồng Giám mục Việt Nam thành lập (1980) và hoạt động tăng tiến từ khi Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới toàn diện (1986).

Trong Thư chung 1980 mối quan hệ với Toà Thánh Rôma đã được đặt ra với mục 3. *Ý nghĩa việc đi Rôma*. Ở mục này

Thư chung viết: “Việc đi viếng mộ các Tông đồ và việc tham dự Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới tại Rôma nói lên hai đặc tính của Hội Thánh Chúa Kitô là phổ quát và hợp nhất, đồng thời thể hiện tinh thần tập thể và đồng trách nhiệm của các giám mục đối với Hội Thánh toàn cầu”<sup>(17)</sup>.

Cũng trong Thư chung 1980, Giáo hội Công giáo Việt Nam đã xác tín vị trí, nhiệm vụ của mình với Hội Thánh và Giáo hoàng. Điều này được thể hiện trong mục 8 với tiêu đề: “Hội Thánh của Chúa Giêsu Kitô”: “Trước hết, chúng ta phải là Hội Thánh của Chúa Giêsu Kitô nghĩa là:

- Gắn bó với Chúa Kitô và hợp nhất với Hội Thánh toàn cầu.

- Gắn bó với Đức Giáo hoàng vị đại diện của Chúa Kitô, người được Chúa giao trách nhiệm “chăn dắt đoàn chiên của Người (Ga 21, 15-18), và “làm cho anh em vững mạnh” (Lc 22, 32).

Từ năm 1980 vấn đề *Viếng mộ các thánh tông đồ* đã đặt ra có tính cách truyền thống đối với hàng giám mục Việt Nam. Năm này có hai đoàn, đoàn thứ nhất do Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn dẫn đầu (17 - 6) và đoàn thứ hai do Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình dẫn đầu (9 - 9). Theo Giáo luật cũ 5 năm một lần giám mục địa phận phải về Rôma viếng bái hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô và yết kiến Đức Giáo hoàng. (Điều 400 – Bộ Giáo luật). Tuy nhiên do điều kiện thực tế không phải giám mục nào cũng có thể đi Rôma đúng hẹn. Ví dụ năm 1985, tháng 11, chỉ có được 3 vị. Năm 1985 là năm kỉ niệm 25 năm thiết lập phẩm trật Giáo hội tại Việt Nam, nhân dịp này Giáo hội Công giáo Việt Nam đón nhận “*Sứ điệp Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II gửi hàng Giám mục Việt Nam kỉ niệm 25 năm thành lập (1960 - 1985)*”. Sứ điệp có đoạn: “Lễ kỉ niệm 25 năm nhằm đúng dịp một số các

giám mục Việt Nam tới viếng mộ các thánh tông đồ. Đây là cơ hội để tôi đích thân chia sẻ những vui mừng, những lo lắng, những ưu tư của những cộng đoàn các ngài quản nhiệm.

Thường ra trong cuộc viếng thăm mộ các thánh tông đồ, các giám mục thế giới đích thân trình bày lên Đấng kế vị Thánh Phêrô về những khổ đau, những vui mừng của từng vị chủ chăn. Đức Giáo hoàng nghe ngóng, an ủi và cổ vũ các ngài trong niềm Tin. Cuộc hội ngộ này biết bao êm đẹp, nhiều ý nghĩa biết mấy, nếu tất cả các giám mục Việt Nam được tới Rôma, để “*thăm viếng Phêrô*” như trước đây tôi vẫn chờ mong ước nguyện! Vì như thế càng tạo cơ hội để bày tỏ một cách cụ thể mối dây liên lạc đoàn kết chúng ta, và để chúng tôi ghi nhớ Quý vị cách thâm sâu trước mộ hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô. Sự mất mát này cũng là một hi sinh dâng lên Thiên Chúa Cha, để Ngài biến đổi thành ánh sáng và sức can đảm cho nhiều anh em trong Quý vị”<sup>(18)</sup>.

Đoạn văn trên ngoài việc cho biết có 3 vị giám mục hiện diện tại Rôma, còn cho biết ý nghĩa của việc viếng mộ các thánh tông đồ. Đồng thời cũng cho thấy lời động viên, nhắn gửi của Giáo hoàng Gioan Phaolô II với hàng giám mục Việt Nam.

Ở một văn kiện khác: “*Diễn từ Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II gửi Hàng Giám mục Việt Nam dịp “ad limina” (13-12-1985)*” ngoài việc nhắc đến ý nghĩa của việc đến Rôma thăm viếng mộ hai thánh tông đồ Phêrô, Phaolô và gặp gỡ người kế vị thánh Phêrô, Giáo hoàng Gioan Phaolô II viết: “Làm sao mà không nhắc lại ở đây sự kiện tôi chưa được vui mừng đích thân gặp tất cả các giám mục Việt Nam, vì

17. Thư chung 1980, Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi toàn thể linh mục, tu sĩ và giáo dân cả nước (1.5.1980). Nguyệt san *Công giáo và dân tộc*, số 65, tháng 5 năm 2000, tr. 20.

18. Trần Anh Dũng (chủ biên). *Sđđ.*, 298.

không kể hơn 20 giám mục khác đã được đến kinh thành muôn thừa này, một số vị giám mục khác đã không được đến Rôma vào năm 1980, vào dịp viếng thăm mộ thánh tông đồ<sup>(19)</sup>.

Quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma thể hiện ở các mối quan hệ của Hội đồng Giám mục Việt Nam, mà đại diện của nó có thể là chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam và quan hệ của các giám mục, những người mà theo Giáo luật là người đứng đầu giáo hội địa phương. Họ đến Vatican có thể là dịp ad limina, dịp họp Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới hay châu lục, hoặc họp với các uỷ ban của Giáo hoàng. Tất nhiên đã đến Vatican với cương vị là giám mục hay tổng giám mục họ không thể không triều yết Giáo hoàng. Trong triều yết họ phải báo cáo công việc của giáo phận, tổng giáo phận, hội đồng giám mục tùy theo vị thế từng người. Họ sẽ tiếp nhận những yêu cầu, nhiệm vụ mà Giáo hoàng đặt ra cho họ.

*Thông cáo Hội đồng Giám mục Việt Nam họp lần thứ VII (1986) phần Đối ngoại* cho biết: “Những năm qua, nhờ có sự giúp đỡ của Nhà nước, Hội đồng Giám mục Việt Nam vẫn tham gia sinh hoạt đặc biệt của Hội Thánh toàn cầu:

- Cuối tháng 10 năm 1983 có Đức Cha Nicôla Huỳnh Văn Nghi và Đức cha Phanxicô Xavie Nguyễn Quang Sách đi họp Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới.

- Đầu tháng 11 năm 1985 có Đức Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình và Đức Cha Phaolô Huỳnh Đông Các đi viếng mộ hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô cùng yết kiến Đức Thánh Cha.

- Từ 24 tháng 11 đến 8 tháng 12 năm 1985 Đức Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn đã tham dự Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới khoá đặc biệt<sup>(20)</sup>.

Tháng 11 - 1990 các giám mục Việt Nam lại có dịp đi “ad limina”. Và họ nhận được “*Diễn từ Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II gửi Hàng Giám mục Việt Nam dịp “ad limina” (24-11-1990)*”. Với hoạt động của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Diễn từ viết: “Anh em đã trao đổi với tôi về việc chu toàn trọng trách mục vụ của anh em... Nhân tiện đây tôi xin lưu ý về sứ mạng của cơ cấu Hội đồng Giám mục, Hội đồng có nhiệm vụ giúp anh em củng cố tình đoàn kết của các giáo phận trong những miền khác nhau của đất nước. Cùng nhau, anh em có thể nâng đỡ nhau một cách hữu hiệu, để có thể đảm đương hơn trách vụ mục tử của anh em và đối thoại xây dựng với các người lãnh đạo xây dựng xã hội<sup>(21)</sup>”.

Diễn từ cũng dành phần nhấn nhủ các linh mục, tu sĩ nam nữ, và anh chị em giáo dân.

Những năm tiếp theo Giáo hội Công giáo Việt Nam vẫn tiếp tục có những đoàn đi tham dự Thượng Hội đồng Giám mục Châu Á, Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới và đi “ad limina” theo định kì hoặc tham dự các hội nghị. Xin được nêu một vài sự kiện.

Ngày 19 - 4 - 1998, 8 giám mục Việt Nam tham dự Thượng Hội đồng Giám mục Á Châu ở Rôma.

Ngày 25 - 9 - 2001, 4 giám mục Việt Nam tham dự Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới tại Rôma.

Từ ngày 14 đến ngày 23 - 1 - 2002 đoàn giám mục Việt Nam đi “ad limina” gồm 28 vị.

Quan hệ giữa hội Giáo hội Công giáo Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma còn thể hiện ở chiều ngược lại. Trước hết là mối quan tâm của Giáo hoàng mà cụ

19. Trần Anh Dũng (chủ biên). Sđđ., tr. 302.

20. Trần Anh Dũng (chủ biên). Sđđ., tr. 309.

21. Trần Anh Dũng (chủ biên). Sđđ., tr. 320.

thể ở đây là Giáo hoàng Gioan Phaolô II, vị Giáo hoàng thứ 264 của Giáo hội Công giáo trị vì một triều đại 28 năm từ năm 1978, sang thiên niên kỉ thứ 3, từ trần lúc 21 giờ 37 phút ngày 2-4-2005. Những lần gặp gỡ hàng giám mục Công giáo Việt Nam, Giáo hoàng Gioan Phaolô II luôn dành cho họ những tình cảm tốt đẹp.

Ngày 10-5-1984 khi Giáo hoàng bay đến Băng Cốc, Thái Lan, đã gửi điện văn cho Giáo hội Việt Nam.

*Thư Mục vụ Hội đồng Giám mục Việt Nam* (1991), mục VIII với tựa đề: *Đức Thánh Cha với Giáo hội Việt Nam* cho thấy mối quan tâm sâu sắc của người đứng đầu Toà Thánh Rôma. “Trước khi kết luận, chúng tôi muốn nhắc lại với anh chị em lòng ưu ái, sự quý trọng và sự lo lắng mà Đức Thánh Cha dành cho Giáo hội và nhân dân Việt Nam. Một trong những bằng chứng cụ thể là Ngài gọi phái đoàn Toà Thánh do Đức Hồng y Roger Etchegaray sang Việt Nam để thảo luận với nhà chức trách chính phủ có thẩm quyền về một số vấn đề quan trọng mà Giáo hội Việt Nam đang phải đối phó... Đức Thánh Cha cũng hứa Toà Thánh sẽ làm mọi sự theo khả năng để mưu ích cho Giáo hội và dân tộc Việt Nam<sup>(22)</sup>.

Trong triều đại của mình, Giáo hoàng Gioan Phaolô II tự tay kí bổ nhiệm 38 giám mục Việt Nam. Người được Giáo hoàng kí bổ nhiệm đầu tiên là Giám mục Hải Phòng Giuse Nguyễn Tùng Cương (18-2-1979) và người được kí cuối cùng là Giám mục Phan Thiết Phaolô Nguyễn Thanh Hoan (31-3-2005).

Giáo hoàng đương nhiệm Bênêdictô XVI cũng đã dành nhiều tình cảm tốt đẹp cho Giáo hội Việt Nam.

Ngoài sự kiện Hồng y Roger Etchegaray, Đại diện Giáo hoàng Gioan

Phaolô II đến Việt Nam từ ngày 1 đến ngày 13-7-1989 cùng với hoạt động mục vụ còn tiếp xúc với cơ quan hữu trách Việt Nam như đã nhắc ở trên, đến tháng 3 - 2007 Toà Thánh đã cử 13 đoàn sang làm việc với Nhà nước Việt Nam. Đó là các chuyến thăm và làm việc vào các năm: 1990, 1992, 1993, 1994, 1995, 1996, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2004, 2007.

Đặc biệt ngày 28/11/2005 nhận lời mời của Hội đồng Giám mục Việt Nam, Hồng y Crescenio Sepe, Bộ trưởng Bộ Truyền giáo, dẫn đầu một phái đoàn thăm Việt Nam trong 9 ngày. Trong 9 ngày ở Việt Nam, Hồng y Crescenio Sepe đã làm việc với các giáo phận Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh. Hồng y làm chủ lễ thụ phong 57 tân linh mục và ban phép lành cho giáo phận Bà Rịa vừa được tách ra từ giáo phận Xuân Lộc.

Những chuyến đi “ad limina”, tham dự các cuộc họp của hàng giám mục Công giáo Việt Nam, những chuyến viếng thăm và làm việc của các phái đoàn Toà Thánh với Chính phủ Việt Nam đã là những điểm nhấn trong mối quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma.

Một sự kiện quan trọng chắc chắn có tác động tích cực đến mối quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma là chuyến thăm và làm việc của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng ngày 25-1-2007 tại Toà Thánh Rôma. Chuyến thăm mở ra một đường hướng mới cho quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma. Nó được xem là “dấu ấn Việt Nam trên chính trường thế giới” để từ đó tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ giữa Nhà nước Việt Nam và Vatican./.

22. Trần Anh Dũng (chủ biên). *Sđđ.*, tr. 333-334.